BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

HUYỆN LỤC NAM - TỈNH BẮC GIANG

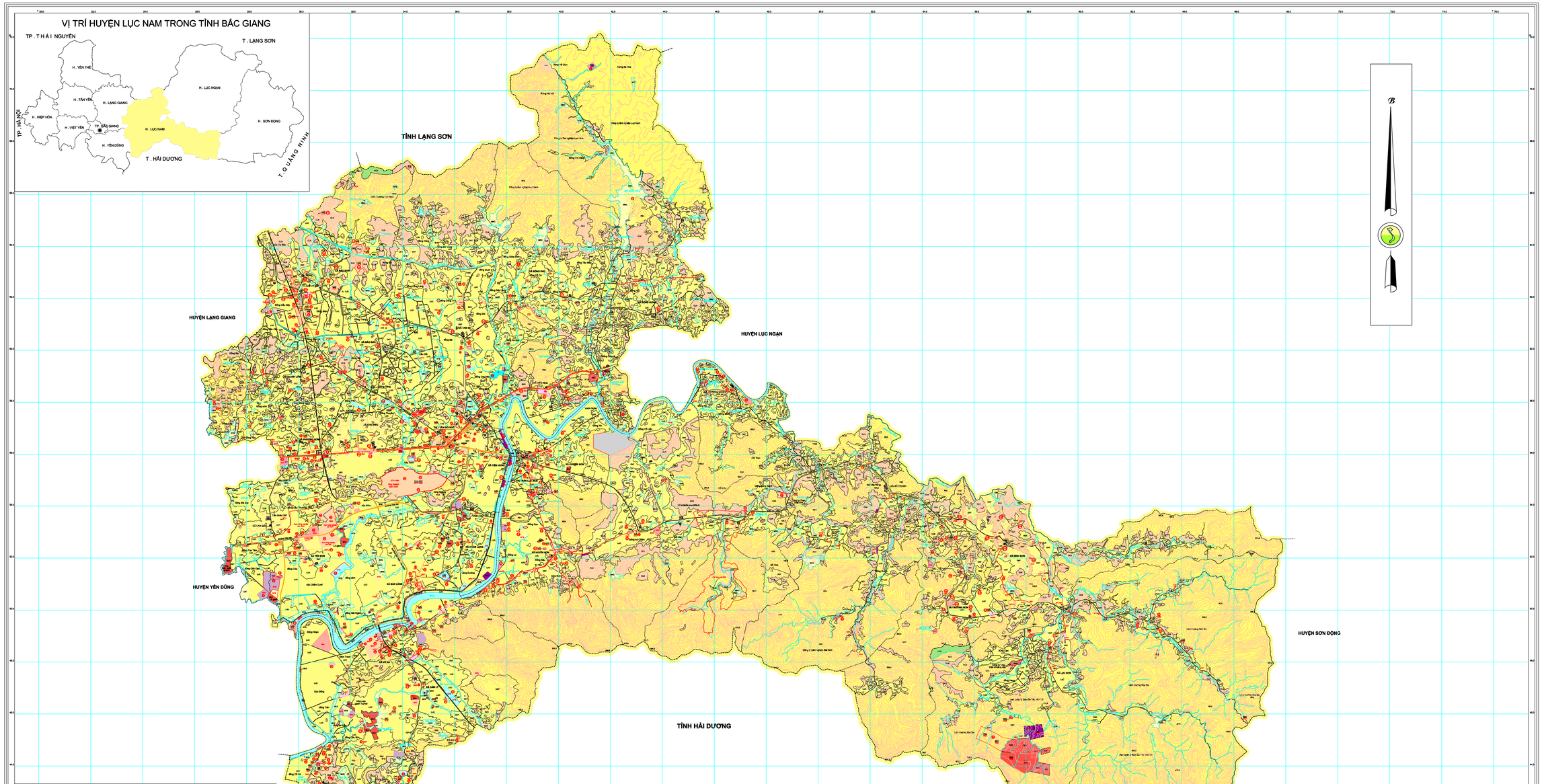

CHÚ DẪN

HIỆN TRẠNG	KẾ HOẠCH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
LUC	LUC	Đất chuyên trồng lúa nước
LUK	LUK	Đất trồng lúa nước còn lại
HNK	HNK	Đất trồng cây hàng năm khác
BHK	BHK	Đất trồng trồng cây hàng năm khác
CLN	CLN	Đất trồng cây lâu năm
RSX	RSX	Đất rừng sản xuất
RPH	RPH	Đất rừng phòng hộ
RDD	RDD	Đất rừng đặc dụng
NTS	NTS	Đất nuôi trồng thủy sản
NKH	NKH	Đất nông nghiệp khác
DNT	DNT	Đất ở tại nông thôn
DTC	DTC	Đất ở tại đô thị
CQP	CQP	Đất quốc phòng
CAN	CAN	Đất an ninh
DNG	DNG	Đất xây dựng cơ sở văn hoá
DYT	DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DSK	DSK	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

HIỆN TRẠNG	KẾ HOẠCH	GIẢI THÍCH KÝ HIỆU
SKC	SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKX	SKX	Đất cơ sở dịch vụ thương mại
SKX	SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
DGT	DGT	Đất giao thông
DTL	DTL	Đất thuỷ lợi
DDT	DDT	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
DRA	DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải
DSH	DSH	Đất ở nông thôn
DTX	DTX	Đất ở tại đô thị
DVH	DVH	Đất cơ sở văn hóa
DYT	DYT	Đất cơ sở y tế
DGD	DGD	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	DTT	Đất cơ sở thể dục thể thao
DKH	DKH	Đất cơ sở khoa học và công nghệ
DCH	DCH	Đất chợ
DSK	DSK	Đất sinh hoạt cộng đồng
DNL	DNL	Đất nông trường sản lượng
DBV	DBV	Đất nông trường bảo vệ
DCH	DCH	Đất chùa
DTN	DTN	Đất tôn giáo
TIN	TIN	Đất cơ sở tín ngưỡng
NTD	NTD	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
SON	SON	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối
MNC	MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng
PNK	PNK	Đất phi nông nghiệp khác
		Đất bằng chưa sử dụng

	Đất chưa sử dụng
	Đất phi nông nghiệp
	Đất nông nghiệp

	Địa giới hành chính cấp huyện
	Địa giới hành chính cấp xã
	Địa giới hành chính cấp tỉnh
	Đỉnh, chân, miền, dốc
	Nhà thờ
	Tên núi đồng
	Trường học
	Bệnh viện, trạm y tế
	Bưu điện
	Trụ sở UBND cấp xã
	Trụ sở UBND cấp huyện
	Đường sắt
	Quốc lộ
	Đường tỉnh
	Cầu
	Hồ, ao, sông, suối
	Kênh, mương
	Đê
110	Đỉnh đồi, điểm độ cao ghi chú điểm độ cao

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

(Đơng vị tính: ha; cơ cấu tính: 00,00%)

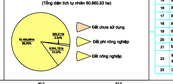

GHI CHÚ VỊ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

Vị trí	Tên công trình, dự án
1	Khu đô thị mới Đồng Ân (TT Đồi Ngô GS-1
2	Khu dân cư số 2 TT Đồi Ngô
3	Khu đô thị mới phía đông TT Đồi Ngô
4	Khu dân cư số 1, số 4 thôn Lim 1 thôn Lim Nam
5	Khu dân cư xã mới tiếp giáp TT Đồi Ngô
6	Khu dân cư số 1, Quốc lộ 31, TT Đồi Ngô
7	Khu dân cư số 1, nhà Phương Ươn
8	Khu dân cư số 2 TT Đồi Ngô
9	KDC Ươn Tuấn Phú, Lang Ngầu và Đồc Chùa xã Bắc Lũng
10	Khu dân cư số 1 thôn Ngô Xá, Đồi Ngô
11	Khu dân cư xã mới xã Bắc Ươn
12	Dự án khu dân cư mới xã Đồng Đăng, Mỏ Bình Ươn
13	Khu dân cư Cương Ươn
14	Khu dân cư số 4 Đồng Đăng
15	Khu dân cư Đồng Bơn (Cầu Sơn)
16	Khu dân cư số 2, xã Kiên Lao
17	Khu dân cư số 1, xã Kiên Lao
18	Khu dân cư thôn Quyết Hạnh, Xã Nghĩa Phương
19	Khu dân cư thôn Phương Lai 2 (đ 22, 24 Phương Sơn
20	Khu dân cư thôn Thanh Gián 1, Xã Tam Dị
21	Khu dân cư ở Bến Đò, Xã Thanh Lâm
22	KDC Nhà Văn (thôn Đồi), KDC Ao cơm ở (Gò Đồng), KDC Mả cuc (thôn Bamboo) KDC Lao Cầu (Ba Đồng Lâm)
23	Dự án khu dân cư đô ô số Thu Chiêm Ngũ Ô
24	Khu dân cư số 1 TT Đồi Ngô GS-1
25	Khu dân cư số 3 TT Đồi Ngô
26	Khu đô thị mới phía đông TT Đồi Ngô
27	Khu Tôn Ươn (Thôn Đồm, TD VLN)
28	Khu Tôn Ươn (Thôn Đồm, Cầu Đồm, Xã Tiên Sơn
29	Tuyến đường Tiên Sơn (Lạnh Ươn), xã Tiên Sơn
30	Dự án nâng cấp tuyến đường ngõ KDC Kiên Giáo (bao bọc khu vực dọng chuyển gồm TT CTT (Đồi Ngô), Tiên Đồng)
31	Đất xen kẽ XD khu Lăng
32	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đồm xã Đồng Cốc đến đường Quốc lộ 31 (Đồm Đồng Cốc, Đồm Đồng Cốc, Đồm Đồng Cốc,